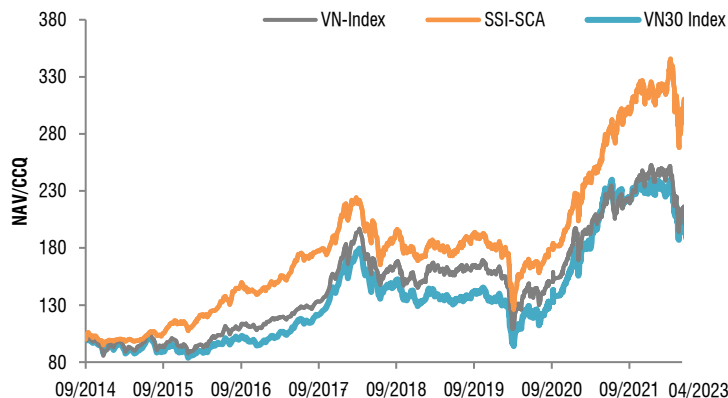


## THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên Quỹ	Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI
Mã Quỹ	SSI-SCA
Loại hình	Quỹ Mở
Bắt đầu hoạt động	26/09/2014
Quy mô quỹ	<b>443,84 tỷ VND (18,91 triệu USD)</b> (tại ngày 30/04/2023)
Thời hạn hoạt động	Không thời hạn
Công ty quản lý quỹ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
Ngân Hàng Giám Sát	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Đại Lý Chuyển Nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán (VSD)
Tỷ lệ tối đa giá trị rút vốn/phiên giao dịch	10%/ Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ
Giá trị đầu tư tối thiểu	10.000 VND
Lợi nhuận kỳ vọng	13% - 15% / năm

## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ



	Giá Chứng Chỉ Quỹ (VND)	Tăng trưởng (%)							
		2018	2019	2020	2021	2022	1M	YTD	Since Inception
SSI-SCA	<b>25.271,55</b>	-12,1	3,9	18,6	49,9	-26,1	2,05	6,14	<b>152,72</b>
VN-Index		-9,3	7,7	14,9	35,7	-32,8	-0,97	4,17	<b>73,41</b>

Dữ liệu tại ngày 30/04/2023, đơn vị: VND. Ngày bắt đầu thành lập quỹ: 26/09/2014

## MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và tạo thu nhập ổn định cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững và các tài sản có thu nhập cố định.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu niêm yết của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt trong điều kiện thị trường không thuận lợi, và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty. Quỹ cũng có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.

## BIỂU PHÍ

<b>Giá dịch vụ phát hành (tùy thuộc vào quy mô đầu tư)</b>	
Từ 1 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	0,75%
Từ 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	0,50%
Từ 10 tỷ đồng trở lên	0,25%
<b>Giá dịch vụ mua lại (tùy thuộc vào thời gian nắm giữ)</b>	
Thời gian nắm giữ đến hết 12 tháng	1,25%
Thời gian nắm giữ từ 12 tháng – 24 tháng	0,75%
Thời gian nắm giữ trên 24 tháng	Miễn phí
<b>Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ</b>	Miễn phí
<b>Giá dịch vụ chuyển nhượng</b>	Miễn phí
<b>Giá dịch vụ phát hành khi tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP)</b>	Miễn phí
<b>Giá dịch vụ khi rời SIP (Khi Khách hàng bỏ 01 kỳ SIP tháng hoặc quý)</b>	0,75%
<b>Giá dịch vụ Quản lý</b>	1,75%

## THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀU HÀNH QUỸ

## Ông Bùi Văn Tốt – Giám đốc đầu tư - CFA

- Tham gia SSIAM vào năm 2015, ông Tốt hiện đang là Giám đốc đầu tư quản lý quỹ đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SCA và phụ trách quản lý danh mục ủy thác tổ chức.
- Ông Tốt có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư, Ông từng làm chuyên gia phân tích cao cấp của Công ty Chứng khoán FPT và Trưởng phòng Tài chính của AIESEC Việt Nam.
- Ông có bằng cử nhân kinh doanh quốc tế tại trường Đại học Ngoại Thương Tp Hồ Chí Minh.

DIỄN BIẾN VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG

Sản xuất chậm lại do sự suy giảm thương mại với các đối tác quan trọng

**Xuất khẩu giảm mạnh.** Sau khi tăng 14% M/M trong tháng 3, xuất khẩu đã đảo chiều khi giảm 7% M/M và 17% Y/Y trong tháng 4. Sự giảm mạnh này bắt nguồn từ sự sụt giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái của giá trị xuất khẩu sang Mỹ. Theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 4T/23 với kim ngạch ước tính đạt 28,4 tỷ USD. Ngoài ra, xuất khẩu sang Trung Quốc và EU cũng cho thấy sự sụt giảm. Tổng giá trị nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 4.

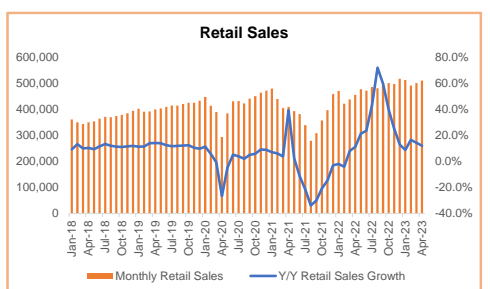
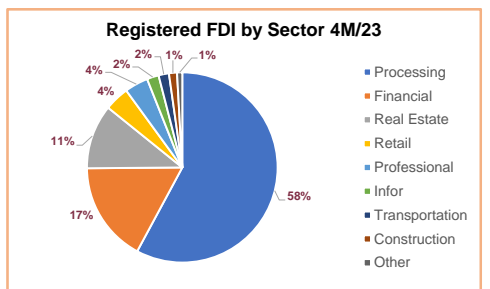
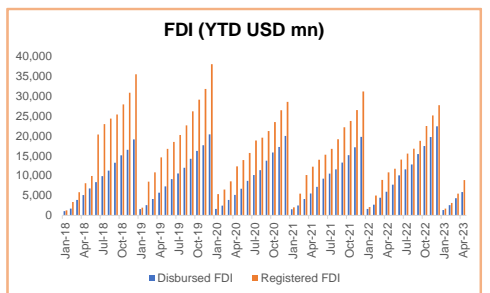
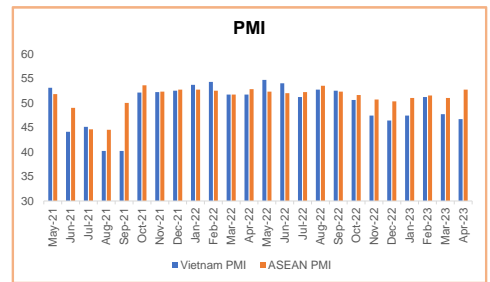
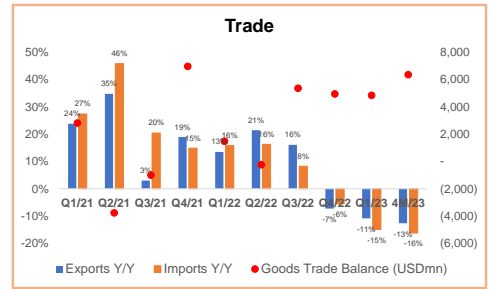
**Kim ngạch xuất khẩu thấp hơn tác động mạnh đến sản xuất.** PMI của Việt Nam giảm từ 47,7 trong tháng 3 xuống 46,7 trong tháng 4. Đây là lần thứ năm chỉ số ghi nhận dưới 50 trong sáu tháng qua mặc dù các nước còn lại của ASEAN đang ghi nhận sự gia tăng sản xuất mạnh mẽ. PMI trung bình của ASEAN đã ở trên mức 50 kể từ tháng 8/2021 và đạt mức 52,7 trong tháng 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp của Việt Nam tăng 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 4 sau khi giảm 2% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 3.

**Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại lớn dù xuất khẩu giảm.** Mặc dù xuất khẩu giảm, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại ước tính 6,4 tỷ USD trong 4T/23 do nhập khẩu giảm nhanh hơn. Nhập khẩu tháng 4 giảm 8% M/M và 20% Y/Y. Theo đó, mặc dù khối doanh nghiệp FDI cho thấy thặng dư thương mại trong khi các doanh nghiệp trong nước thì không, sẽ khó có thể định lượng chính xác sự sụt giảm nhập khẩu đến từ việc các nhà máy sử dụng hết hàng tồn kho bộ phận và nguyên vật liệu hiện có, và đến từ sự sụt giảm nhập khẩu do tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu trong nước thấp hơn. Việt Nam xuất siêu 24,4 tỷ USD với Mỹ và 9,3 tỷ USD với EU nhưng ghi nhận nhập siêu 16,8 tỷ USD với Trung Quốc và 8,9 tỷ USD với Hàn Quốc. Tổng thặng dư thương mại chắc chắn sẽ hỗ trợ giá trị đồng tiền VND và đóng góp vào tăng trưởng GDP.

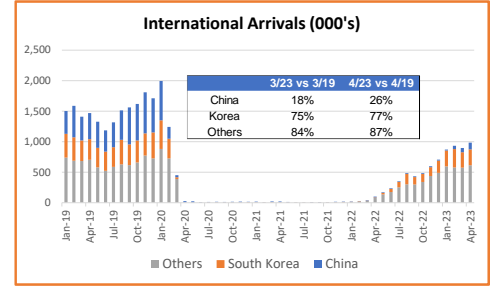
**Đầu tư trong lĩnh vực ngân hàng đã giúp thúc đẩy FDI.** Việt Nam đã ghi nhận dòng vốn FDI mạnh mẽ trong tháng 04. Các nhà đầu tư đã đăng ký 3,4 tỷ USD và giải ngân 1,5 tỷ USD trong tháng và lần lượt đạt giá trị lũy kế từ đầu năm là 8,9 tỷ USD (-18% Y/Y) và 5,9 tỷ USD (-1,2% Y/Y), thu hẹp khoảng cách với tốc độ giải ngân kỷ lục của năm 2022. Tuy đầu tư trực tiếp FDI hiện vẫn đang thiếu hụt các dự án ngành điện do cản chờ chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phát Triển Điện Lực Quốc Gia, kênh này đã nhận được sự thúc đẩy từ ngành ngân hàng. SMBC đã đầu tư 1,5 tỷ USD cho 15% cổ phần của VPBank, báo hiệu các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục tin tưởng vào lĩnh vực ngân hàng Việt Nam bất chấp những khó khăn gần đây từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp và cho vay bất động sản.

**Du lịch đóng góp vào tăng trưởng doanh số bán lẻ.** Doanh số bán lẻ danh nghĩa tăng 12,1% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 4, tăng 12,9% YTD, và tăng gần 27% so với cùng giai đoạn năm 2019 - trước đại dịch Covid. Dữ liệu tháng 4 cho thấy xu hướng tăng trưởng giảm nhẹ trong ba tháng qua, nhưng doanh số bán hàng có thể phục hồi vào tháng 5 nhờ kỳ nghỉ lễ cuối tuần dài hơn. Hơn nữa, du lịch tiếp tục phục hồi về mức trước đại dịch. 984.000 lượt khách nước ngoài đã nâng tổng số YTD lên 3,7 triệu, vượt qua tổng số của cả năm 2022. Hàn Quốc chiếm số lượng khách mới lớn nhất, với 26% trong khi lượng khách Trung Quốc chiếm 11% tổng số. So sánh 4T/2023 với 4T/2019, tổng lượng khách đến bằng 76% so với mức trước đại dịch. Lượng khách Trung Quốc tăng từ 18% so với mức trước đại dịch vào tháng 3 lên 26% vào tháng 4. Với tốc độ hiện tại, Việt Nam có triển vọng đón hơn 12 triệu lượt du khách vào năm 2023 so với 18 triệu vào năm 2019.

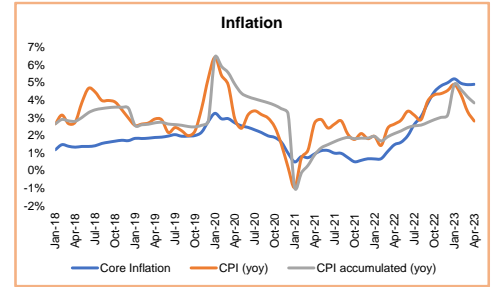
**Giá dầu giảm tiếp tục đẩy lạm phát xuống.** CPI Y/Y tiếp tục xu hướng giảm từ tháng 3 và đạt 2,81% trong tháng 4. Lạm phát cơ bản cũng giảm 32 điểm cơ bản xuống 4,56%. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến thực phẩm, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong rổ CPI, góp phần làm giảm lạm phát. Đặc biệt, lĩnh vực giao thông vận tải tiếp tục giảm phát với mức giảm gần 4%. Thị trường dầu mỏ toàn cầu đã phớt lờ những lo ngại trước đó về việc các quốc gia thành viên OPEC thống nhất cắt giảm sản lượng, khi giá dầu thô Brent chỉ duy trì tương đương hoặc dưới ngưỡng 80 USD/thùng. Đây sẽ tiếp tục là yếu tố làm giảm lạm phát khi giá dầu ở quanh mức 125 USD/thùng vào cuối quý 2 năm ngoái. Trong khi đó, Việt Nam đã tăng giá điện thêm 3%, điều này sẽ tạo ra một số áp lực trong tháng Năm. Tuy vậy, giá xăng dầu gần đây đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng bốn tháng.



(As of 28 April 2023)	1M Δ	3M Δ	1YR Δ	VNI End Weight	TTM P/E	Current P/B	ROE	Beta
Communication Services	-5.3%	-5.8%	-47.5%	0.1%	10.5	1.0	5.6	1.1
Consumer Discretionary	1.5%	-11.7%	-37.2%	3.1%	16.3	2.0	13.0	1.0
Consumer Staples	-4.1%	-13.2%	-18.1%	11.0%	26.4	3.0	12.3	0.7
Energy	0.9%	1.3%	-17.8%	1.7%	26.7	1.4	5.4	1.1
Financials	-1.7%	-3.4%	-9.8%	41.1%	8.8	1.5	18.4	1.1
Health Care	8.9%	2.8%	-8.8%	0.8%	13.0	2.0	17.0	0.6
Industrials	2.4%	-5.4%	-33.3%	8.0%	152.3	1.5	5.4	1.0
Information Technology	-0.6%	-7.9%	-16.1%	2.3%	15.2	3.4	24.5	0.9
Materials	1.9%	-5.9%	-43.1%	7.3%	19.3	1.2	6.4	1.4
Real Estate	-2.1%	-4.5%	-38.1%	17.5%	12.9	1.5	12.2	0.9
Utilities	-4.5%	-6.7%	-12.2%	7.2%	11.4	1.9	17.8	0.8
Not Classified	3.2%	-6.7%	-47.1%	0.1%	9.0	0.5	6.1	1.1
<b>VN-Index</b>	<b>-1.5%</b>	<b>-5.6%</b>	<b>-23.5%</b>	<b>100.0%</b>	<b>12.5</b>	<b>1.6</b>	<b>14.0</b>	<b>1.0</b>
<b>VN30</b>	<b>-2.1%</b>	<b>-6.6%</b>	<b>-26.0%</b>		<b>10.5</b>	<b>1.6</b>	<b>15.9</b>	<b>1.0</b>

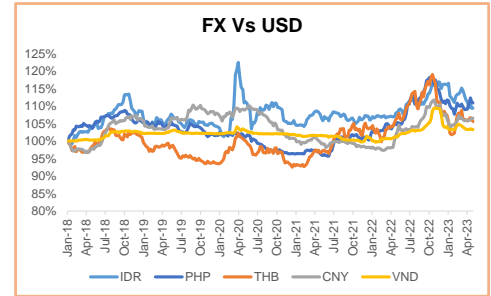


**Dòng vốn mạnh mẽ hỗ trợ VND khi đồng USD giữ ổn định.** Thặng dư thương mại cao và FDI giải ngân lớn đã hỗ trợ VND, tăng nhẹ so với USD M/M và YTD. Dòng vốn mạnh mẽ này giúp NHNN mua gần 6 tỷ USD dự trữ ngoại hối trong năm nay, nâng tổng số lên trên 90 tỷ USD. Chỉ số DXY đã duy trì quanh mức 101 nhưng có thể giảm khi Fed kết thúc chu kỳ thắt chặt, cung cấp một chất xúc tác khác cho việc mua dự trữ ngoại hối.



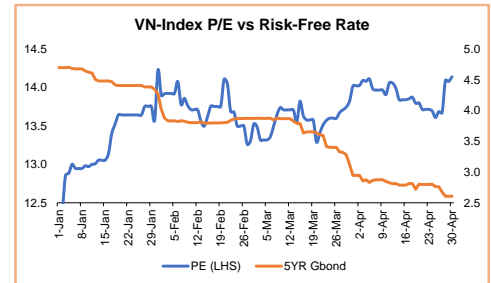
**Chính phủ đã thực hiện một số quy định để kích thích tăng trưởng.** Trong tháng Tư, chính phủ đã thông qua một số quy định chính, bao gồm:

- Nghị định 12 quy định gia hạn nộp thuế TNDN, thuế TNCN, thuế GTGT và tiền thuế đất đến ngày 31/12;
- Thông tư 02 quy định điều khoản cơ cấu lại nợ doanh nghiệp.
- Thông tư 03 cho phép tổ chức tín dụng mua lại trái phiếu doanh nghiệp.
- Chính phủ đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính về việc giảm thuế VAT từ 10% xuống 8%.

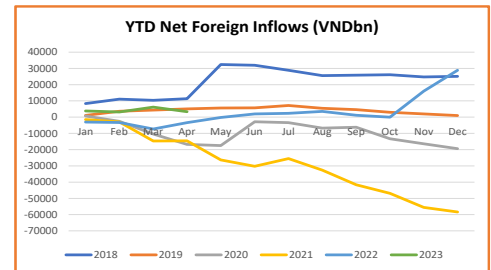


Kết hợp với nhau, những động thái này thể hiện quyết tâm của chính phủ trong việc kích thích tăng trưởng.

**Thị trường cổ phiếu đi ngang do tăng trưởng lợi nhuận yếu.** VN-Index giảm 1,5% trong tháng 4 nhưng vẫn tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Cổ phiếu ngành Vật liệu ghi nhận tăng trưởng giá nhờ mức giá hàng hóa toàn cầu cao hơn. Cổ phiếu Bất động sản giảm sau khi ghi nhận mức tăng đáng chú ý trong tháng 3. Báo cáo Lợi nhuận quý 1 gây thất vọng khi tổng lợi nhuận của 3 sản giảm 26,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận của lĩnh vực Bất động sản, Vận tải và Năng lượng phục hồi trong khi lợi nhuận của lĩnh vực Ngân hàng đi ngang và lợi nhuận của Dịch vụ tài chính phi ngân hàng cùng Tiêu dùng và Bán lẻ giảm mạnh. Ở mức 14,1x ttm EPS (cơ sở IFRS), định giá VN-Index vẫn thấp hơn so với các thị trường lân cận nhưng đang tiến gần hơn đến mức trung bình 5 năm là 18x.



**Lợi suất trái phiếu Chính Phủ giảm, hỗ trợ định giá vốn chủ sở hữu cao hơn.** Lợi suất trái phiếu Chính phủ tiếp tục giảm. Ví dụ, sau khi giảm 93 điểm cơ bản vào tháng 3, lợi suất trái phiếu Chính Phủ kỳ hạn 5 năm đã giảm thêm 34 bps xuống 2,61%. Mối tương quan giữa lợi suất trái phiếu và định giá vốn chủ sở hữu đã được thiết lập tốt trong những năm qua. Chúng ta có thể kỳ vọng thanh khoản thị trường được cải thiện khi lợi suất vẫn ở mức thấp.



**Các quỹ ETF dẫn dắt xu hướng rút ròng của dòng vốn ngoại.** Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận gần 120 triệu USD vốn ngoại rút ròng trong tháng 4 nhưng thị trường vẫn ghi nhận hơn 140 triệu USD dòng vốn ngoại mua ròng YTD. Các quỹ ETF đã đóng góp mạnh mẽ trong ba tháng đầu năm nhưng ghi nhận 27 triệu USD dòng vốn nước ngoài rút ròng trong tháng Tư.

As of 28 April 2023	Vietnam VN-Index	Thailand SET Index	Philippines PCOMP Index	Indonesia JCI Index
TTM P/E	14.1	18.7	14.6	16.1
P/B	1.6	1.5	1.6	2.0
ROE	13.0	8.2	10.1	11.9
Market Cap (USDbn)	178	548	170	669
3-Month Avg Daily Traded Value USDm	369.5	1,469.8	79.9	589.8
2022 Net Foreign Inflow (USDmn)	1,072.6	5,844.1	(1,245.3)	4,316.7
YTD 2023 Net Foreign Inflow (USDmn)	87.2	(1,888.7)	(526.8)	1,223.6
5YR Gov Bond Yield	2.61%	2.15%	5.91%	6.25%

Nguồn: Bloomberg & S&P Global

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Quỹ SCA tăng 1,6% trong tháng 3, so với -1,5% đối với VN-Index. Các mã cổ phiếu hoạt động hiệu quả nhất của quỹ trong tháng 4 là NLG (+24,63%), TV2 (+22,6%) và LHG (+13,45%). Những cổ phiếu có hiệu quả tăng trưởng giá thấp hơn thị trường là DRC (-4,57%), STB (-3,44%) và ACB (-3,2%). Với hiệu suất tốt hơn thị trường chứng khoán trong tháng 4, quỹ SCA đã tăng 6,14% trong 4T2023 so với 4,2% của VN-Index.

Hiệu quả đầu tư vượt trội của SCA trong tháng 4 chủ yếu là do: 1, quỹ tập trung nhiều tỷ trọng hơn so với thị trường vào lĩnh vực công nghiệp – có tỷ suất sinh lời tích cực hơn trong khi có tỷ trọng thấp hơn so với thị trường đối với lĩnh vực Hàng tiêu dùng thiết yếu và Tiện ích là hai lĩnh vực ghi nhận tỷ suất sinh lời âm; 2, quyết định phân bổ tỷ trọng cổ phiếu của chúng tôi vào lĩnh vực Bất động sản – Khu công nghiệp là NLG, LHG đã mang lại lợi nhuận mạnh mẽ trong tháng.

Chúng ta hiện đang phân bổ tỷ trọng nhiều hơn thị trường đối với lĩnh vực Công nghệ thông tin, Tiêu dùng không thiết yếu và Công nghiệp, đồng thời có tỷ trọng thấp hơn thị trường đối với lĩnh vực Tài chính, Bất động sản và Hàng tiêu dùng thiết yếu. Lĩnh vực Bất động sản vẫn phải đối mặt với những khó khăn của môi trường lãi suất cao, nhu cầu suy giảm và áp lực đáo hạn trái phiếu, trong khi các ngân hàng cũng bắt đầu chịu ảnh hưởng từ sự giảm tốc tăng trưởng tín dụng và nợ xấu cao hơn.

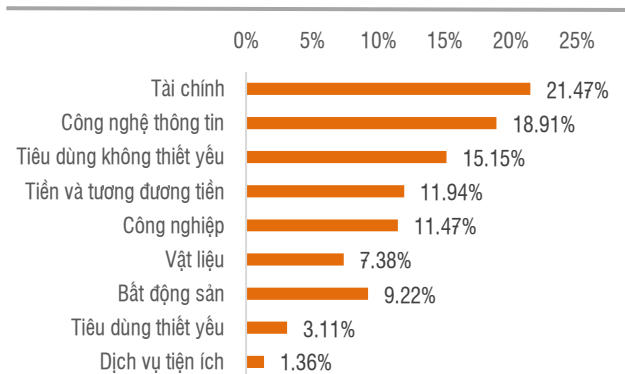
Về những cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong danh mục đầu tư của chúng tôi ở quý 1/2023, FPT ghi nhận doanh thu đạt 11.681 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 2.121 tỷ đồng, lần lượt tăng 20,1% và 19,2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu mảng Công nghệ đạt 6.843 tỷ đồng, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng từ mảng Dịch vụ CNTT toàn cầu, ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 32,2%. Theo đó, một tín hiệu tích cực mới đối với ngành Dịch vụ CNTT toàn cầu khi đạt doanh thu 10.165 tỷ đồng, tăng 44,1% so với cùng kỳ năm trước. MWG công bố kết quả kinh doanh quý 1/23 yếu kém, với doanh thu thuần giảm 26% so với cùng kỳ xuống còn 27.106 tỷ đồng; lợi nhuận ròng yếu ở mức 21 tỷ đồng, giảm 99% so với cùng kỳ. TGDĐ & DMX ghi nhận sự sụt giảm lớn, với lợi nhuận ròng giảm 73% so với cùng kỳ, xuống còn 539 tỷ đồng. Khoản lỗ của BHX đã giảm xuống còn 354 tỷ đồng. Trong khi đó, tiền gửi ngân hàng tăng đáng kể và hàng tồn kho giảm.

Lợi nhuận quý 1/23 của thị trường cho thấy sự thất vọng lớn, NPAT nhóm ngân hàng đã giảm lần đầu tiên sau hơn 6 năm (-4,4% so với cùng kỳ năm ngoái), trong khi đó, NPAT của nhóm phi tài chính giảm gần một nửa so với cùng kỳ năm ngoái (-42,6%). Chúng tôi đã trao đổi với nhiều doanh nghiệp gần đây và hầu hết trong số họ dự đoán rằng hoạt động kinh doanh sẽ tốt hơn từ quý 3 năm nay. Môi trường kinh doanh có vẻ ảm đạm trong quý 2, tuy nhiên, tính thanh khoản hệ thống hiện đang mạnh mẽ và chúng ta đang đi đến điểm cuối của giai đoạn thắt chặt tiền tệ. Do vậy, chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ thích ứng và chờ đợi những điều tốt đẹp mới từ lợi nhuận kinh doanh cùng những tín hiệu nới lỏng chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa khác. Chúng tôi tiếp tục tìm kiếm các doanh nghiệp có đội ngũ quản lý mạnh mẽ, hoạt động kinh doanh hợp lý và kết quả tài chính đầy hứa hẹn trong tương lai.

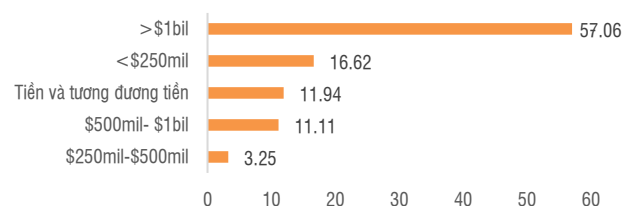
## Chỉ số cơ bản của Quỹ (trong vòng 1 năm)

	SSI – SCA	VN-Index
Volatility (Std) (%)	27,51	24,21
Sharpe Ratio	-0,69	-0,92
P/E Ratio TTM	21,87	29,69
P/B Ratio Current	1,64	1,61
Beta	0,94	1,00
Avg Mkt Cap (USD mn)	2,52	5,40

## Cơ cấu danh mục theo ngành (% NAV)



## Cơ cấu danh mục theo vốn hóa (%NAV)





Mã Cổ phiếu	Tên công ty	Ngành	% NAV	Mkt Cap (USD m)	TTM P/E	Current P/B	ROE%
FPT	FPT Corp	Information Technology	18,91	3.624	15	3,76	26,64
MWG	Mobile World Investment Corp	Consumer Discretionary	11,11	2.445	21	2,40	11,70
STB	Saigon Thương Tin Commercial JSB	Financials	4,75	2.033	8	1,18	14,90
MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	Financials	4,69	3.566	5	1,03	24,79
CTG	VietinBank	Financials	4,61	5.910	8	1,24	16,13

### Xác định NAV

Ngày T-1	Ngày T	Ngày T + 1	Ngày T + 2
3h chiều: Thời hạn nhận lệnh	Ngày giao dịch CCQ	Xác nhận giao dịch	Nhận tiền bán

### LỆNH MUA

Giá trị đăng ký mua tối thiểu	Tối thiểu 10.000 đồng (lưu ý tiền mua chưa bao gồm phí chuyển tiền)
Thời hạn nhận tiền	Tiền cần được ghi nhận vào tài khoản Quỹ trước 17h00 ngày T-1 Tiền có thể được chuyển từ tài khoản của NĐT hoặc cá nhân/ tổ chức khác không phải là NĐT với điều kiện nội dung chuyển tiền phải ghi rõ tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ SSI-SCA của NĐT được hưởng lợi.
Nội dung chuyển tiền	Đơn vị thụ hưởng: <b>SSISCA</b> Ngân hàng: <b>Standard Chartered Vietnam - Chi nhánh Hà Nội</b> Số tài khoản: <b>9027.535.0205</b> Nội dung: <b>[Tên NĐT] [số tài khoản giao dịch] mua SSISCA</b>
Xác nhận tiền vào	SSIAM sẽ gửi xác nhận tiền cho NĐT trong vòng 1 ngày làm việc kể từ ngày tiền được ghi nhận vào Quỹ.
Xác nhận giao dịch	ĐLPP gửi kết quả giao dịch trong vòng 1 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.

### LỆNH BÁN

Xác nhận giao dịch	ĐLPP gửi NĐT kết quả giao dịch trong vòng 1 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch. Ví dụ: ngày giao dịch là thứ 5, NĐT sẽ nhận được xác nhận giao dịch vào thứ 6.
Thanh toán tiền bán	Tiền bán CCQ (sau thuế, phí và phí chuyển tiền) sẽ được chuyển vào tài khoản của NĐT sau 2 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.

### LỆNH CHUYỂN ĐỔI

NĐT có thể thực hiện lệnh chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ giữa quỹ mở SSI-SCA, SSIBF & VLGF do SSIAM quản lý. NĐT có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu.

### LỆNH CHUYỂN NHƯỢNG

NĐT có thể thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác và có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.  
Chi tiết về giao dịch sẽ được SSIAM tư vấn.